

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+TD3+BK6	7:25	13+5+0	0+0+0		11+5+4	0+0+0	
2		SAVR+TD1+CTK3	9:25	10+2+0	0+0+0		3+4+10	0+0+0	
3		RP3+CLO+PBDA	11:50	10+0+6	0+0+0		0+7+9	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 16/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: SAVR - TD3 - BK4	CREW: NAM - QVIỆT - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/3166	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HUYNH VAN TRUNG	SAVR	56-57	2	17			89	PVD-BH	Vietnamese
2	VU THANH QUOC	SAVR	55	1	10			68	PVD-BH	Vietnamese
3	NGUYỄN CAO TRUNG	SAVR	66	1	9			66	PVD LOGGING	Vietnamese
4	PHẠM QUỐC ĐẠT	SAVR	64-65	2	15			66	PVD LOGGING	Vietnamese
5	ĐINH ĐỨC TRUNG	SAVR	68-69	2	18			89	PVD LOGGING	Vietnamese
6	VŨ QUANG	SAVR	60	1	12			73	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYỄN HOÀNG LONG	SAVR	70-71	2	22			93	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ THẾ HÙNG	SAVR	63	1	12			64	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ ANH VŨ	SAVR	58-59	2	16			77	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ CÔNG TRĂNG	SAVR	67	1	14			68	BAKER HUGHES	Vietnamese
11	STUKALOV DMITRY	SAVR	54	1	7			78	AMHFP	Russian
12	BOKEMBAEV MALIK	SAVR	62	1	5			71	AMHFP	Russian
13	OBUSHENKOV DMITRII	SAVR	61	1	12			82	AMHFP	Russian
14	ĐỖ XUÂN THẮNG	TD3	70	1	13			85	CODIEN	Vietnamese
15	LÊ MINH SỸ	TD3	71	1	11			79	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU HỒ	TD3	75	1	9			64	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN DÂN	TD3	72	1	8			82	CODIEN	Vietnamese
18	LÊ TẤN GIÀU	TD3	73-74	2	21			50	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	13	984	18	169	0	0	11		
2	TD3	5	360	6	62	0	0	5		
3	BK4	0	0	0	0	1	10	1		
TOTAL		18	1.344	24	231	1	10	17		
WEIGHT KG			1.344		231		10			

GRAND TOAL: 1.585 KGS

VSP REP.

[Signature]
Nguyễn Quốc Hà

VNHS REP.

[Signature]
Nguyễn Thị Ngọc Hà

CREW

[Signature]
Nguyễn Hùng Nam ☒
Nguyễn Quý Việt ☐



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 16/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: <i>AM</i> -2	TO: SAVR - TD1 - CTK3	CREW: HÙNG - HTRUNG - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/3167	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KAMALETDINOV RAMIL	SAVR	06	1	10			58	AMHTP	Russian
2	ARKHIPOV VLADIMIR	SAVR	07	1	12			79	AMHTP	Russian
3	GIMAEV RISHAT	SAVR	05	1	14			90	AMHTP	Russian
4	AKULOV VLADIMIR	SAVR	08-09	2	14			85	AMHTP	Russian
5	VU VAN TRUONG	SAVR	04	1	7			69	AMHTP	Vietnamese
6	NGUYỄN VAN HUNG	SAVR	10	1	9			80	AMHTP	Vietnamese
7	JONES RALPH REDERICK	SAVR	11-12	2	19			77	PVD-BH	Australian
8	TRẦN CÔNG CHIẾN	TD1	78	1	17	2	10	84	DVL	Vietnamese
9	VŨ MẠNH NAM	TD1	77	1	19			83	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	7	538	9	85	0	0	3		
2	TD1	2	167	2	36	2	10	4		
3	CTK3	0	0	0	0	3	56	10		
TOTAL		9	705	11	121	5	66	17		
WEIGHT KG			705		121		66			

GRAND TOAL: 892 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 16/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: RP3 - CLO - PBDA	CREW: HUNG - HTRUNG - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/3168	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRƯƠNG QUYẾT THẮNG	RP3	97	1	12	1	11	78	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VIỆT HUÂN	RP3	96	1	15			71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	RP3	500	1	13			95	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	RP3	98-99	2	17			61	KH-THAC	Vietnamese
5	APIWAT SAEUI	RP3	62-63	2	20			88	SCHLUM	Thailand
6	THANUKOON RUAMSOOKSOMSAKUL	RP3	60-61	2	22			74	SCHLUM	Thailand
7	HOÀNG VĂN LỰC	RP3	95	1	12			76	SCHLUM	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HUONG	RP3	92-93	2	15			72	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN TUẤN ANH	RP3	94	1	8	2	13	69	CODIEN	Vietnamese
10	BÙI MẠNH PHÚC	PBDA	41-42	2	9	2	22	80	KHOAN	Vietnamese
11	DAIROV RIVAL	PBDA	39-40	2	18			89	AMHGP	Russian
12	KRUGLOV OLEG	PBDA	36	1	15	2	32	58	AMHGP	Russian
13	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	PBDA	43-44	2	20			63	AMHGP	Vietnamese
14	VŨ THANH HÒA	PBDA	45	1	10			71	AMHGP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	9	684	13	134	3	24	0		0
2	CLO	0	0	0	0	2	10	7		0
3	PBDA	5	361	8	72	4	54	9		0
TOTAL		14	1.045	21	206	9	88	16		
WEIGHT KG			1.045		206		88			

GRAND TOAL: 1.339 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+RP2+P7+P9 ↗ 2	7:25	14+0+1+4	0+0+0+0		0+1+1+2	0+0+0+0	chuyen 2 p7- p9
2		P4+P8+BK6	9:25	19+1+0	0+0+0		8+4+5	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 18/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: RP3 - RP2 - P7 - P9	CREW: DUONG - N.CUONG - THANH	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/3212	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẬU ĐÌNH TÂN	RP3	03	1	6			62	KHI	Vietnamese
2	PHẠM THANH NAM	RP3	18	1	9			56	KHI	Vietnamese
3	ĐÌNH VIỆT HẢI	RP3	21	1	12			73	KHI	Vietnamese
4	TRẦN TIẾN TRƯỜNG	RP3	15	1	14	4	40	69	XAYLAP	Vietnamese
5	THỊNH VIỆT HÙNG	RP3	16-17	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
6	VÕ QUỐC THANH	RP3	06	1	11			74	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN SANH TOÀN	RP3	09-10	2	12			65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY PHÚ	RP3	12	1	14			74	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	RP3	01-02	2	18			87	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG HOAN	RP3	19-20	2	13			56	XAYLAP	Vietnamese
11	BÙI VĂN HÓA	RP3	04-05	2	15			46	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC CHUNG	RP3	07-08	2	17			58	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ XUÂN LẬP	RP3	11	1	15			66	XAYLAP	Vietnamese
14	HÒA QUANG THẮNG	RP3	13-14	2	15			67	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ VĂN QUYỀN	P7	93	1	6			60	PSV	Vietnamese
16	PHẠM THẾ QUANG	P9	27-28	2	18			73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC KHÔI	P9	34,38	2	18	2	34	66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN GIA CƯỜNG	P9	39	1	13			71	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐÌNH PHƯƠNG	P9	03	1	15			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	14	926	21	190	4	40	0		
2	RP2	0	0	0	0	0	0	1		
3	P7	1	60	1	6	0	0	1+2		CHUYEN 2 PAX P7-P9
4	P9	4	285	6	64	2	34	2		
TOTAL		19	1.271	28	260	6	74	4		
WEIGHT KG			1.271		260		74			

GRAND TOAL: 1.605 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG DIỆP

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 18/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:30
B.CARD: CAM-2	TO: P4 - P8 - BK6	CREW: DUONG - N.CƯƠNG - THÀNH	ETA: 14:30
VSP FLIGHT: 2	VNHS FLIGHT: TM26/3213		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HỮU TOÀN	P4	82-83	2	20			57	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN BÁ LƯU	P4	73-74	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN SƠN	P4	60	1	11			62	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	P4	88	1	16			80	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN QUANG KHU	P4	86	1	12			68	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN ĐẠO	P4	61	1	9			68	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC THỂ	P4	80-81	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
8	MAI CÔNG HUÂN	P4	71-72	2	15			67	XAYLAP	Vietnamese
9	TRỊNH NGỌC THÁI	P4	66-67	2	15			91	XAYLAP	Vietnamese
10	LA VĂN ĐỨC	P4	64-65	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM BÁ HOÀNG	P4	77-78	2	18			66	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ HUY CHƯƠNG	P4	69-70	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ QUỐC VŨ	P4	62-63	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
14	BÙI CÔNG ĐỊNH	P4	58-59	2	20			103	XAYLAP	Vietnamese
15	HỒ PHI ĐỒNG	P4	68	1	18			79	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC QUYẾT	P4	87	1	13			64	XAYLAP	Vietnamese
17	HUỲNH ĐỨC TÂM	P4	79	1	9			63	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P4	75-76	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐINH QUANG SƠN	P4	84-85	2	20			55	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN DOãn BẢO TRUNG	P8	93-94	2	18			75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	19	1.334	31	306	0	0	9		
2	P8	1	75	2	18	0	0	4		
3	BK6	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		20	1.409	33	324	0	0	18		
WEIGHT KG			1.409		324		0			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CƯỜNG

